

VẤN ĐỀ GIẢNG DẠY VĂN HỌC CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC TRONG CÁC TRƯỜNG THCS VÀ THPT HIỆN NAY

ThS CAO VĂN THỊNH - Khoa KHXH&NV

CUỘC kháng chiến chống Mỹ cứu nước là cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thần thánh và vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam, được bắt đầu từ sau hiệp định Giơnevơ và kết thúc thắng lợi vào ngày 30/4/1975. Thời kỳ này văn học Việt Nam phát triển rất rực rỡ, các tác phẩm văn học đã được sáng tác theo khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn, phục vụ cho hai nhiệm vụ chiến lược là bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Giai đoạn văn học này tiếp tục góp phần lớn làm phong phú nền văn học kháng chiến đã diễn ra trong suốt ba mươi năm từ 1945 đến 1975, để nó “xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của nền văn học nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại hiện nay” ⁽¹⁾.

Văn học chống Mỹ cứu nước mới ra đời đã được đưa ngay vào giảng dạy trong các trường phổ thông cấp I, II, III. Như thế văn học chống Mỹ đã được giảng dạy trong trường phổ thông từ trước cải cách giáo dục, trong cải cách giáo dục diễn ra từ những năm 80 thế kỷ XX; sau đó là chỉnh lý sách giáo khoa 1995, và đang thực hiện thay sách trong những năm đầu tiên thế kỷ XXI, đã đạt được nhiều thành tựu như giáo

dục chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, cho con người Việt Nam để làm nên chiến thắng vẻ vang trong chiến tranh cũng như trong hoà bình xây dựng cuộc sống mới. Tuy vậy trong thực tế giảng dạy, chúng tôi vẫn thấy còn nhiều điều băn khoăn, còn thấy khiếm khuyết chưa cập, chưa thực hiện được đầy đủ những mục tiêu giáo dục mà chúng ta đã đề ra.

Nhớ lại thời kỳ chống Mỹ cứu nước, ngay ở giai đoạn mới bắt đầu, sau này là cao trào chống Mỹ cứu nước 1964 - 1975. Chúng ta đã rất nhạy bén đã đưa ngay các tác phẩm văn học chống Mỹ mới ra đời vào giảng dạy trong chương trình phổ thông; ở cấp I là những bài tập đọc, bài học thuộc lòng; ở cấp II, cấp III từ lớp 5 đến lớp 10 là các bài thơ, các đoạn trích truyện, ký, kịch của các tác giả thơ: Tố Hữu, Sóng Hồng, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Tế Hanh, Giang Nam... truyện, ký của Nguyễn Trung Thành, của Bùi Đức Ái, Nguyễn Thi, Trần Đình Văn, Nguyễn Quang Sáng, Nguyễn Đức Thuận... kịch của Đào Hồng Cẩm... Sau này là các tác giả: Hồ Phương, Nguyễn Đình Thi, Lê Anh Xuân, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Lưu Quang Vũ, Xuân Quỳnh... nhiều tác phẩm

thơ hay như những bài thơ: *"Ta đi tới"*, *"Thù muôn đời muôn kiếp không tan"*, *"Có thể nào yên"*, *"Độc thơ Ước Trai"*, ... sau này là các bài thơ như: *"Lửa đèn"*, *"Dáng đứng Việt Nam"*, *"Quê Hương"*. Các tác phẩm truyện, ký *"Đường chúng ta đi"*, *"Sống như anh"*, *"Hòn đất"*, kịch: *"Nổi gió"*... đã tạo ra được không khí thời sự nóng bỏng, sôi nổi, đã kịp thời giáo dục thành công những con người yêu nước Việt Nam, sẵn sàng xả thân vì nhân dân, vì nghĩa lớn. Chính do hiệu quả giáo dục này mà chúng ta đã chiến thắng mọi kẻ thù, trong đó có tên đế quốc đầu sỏ là đế quốc Mỹ, mọi thế lực thù địch, cả bọn phản động quốc tế khi chúng gây ra các cuộc chiến tranh phía Tây Nam và phía Bắc. Nhắc lại để chúng ta nhớ rằng văn học chống Mỹ cứu nước đã được giảng dạy ngay trong trường phổ thông, đã góp phần xứng đáng vào công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, giữ gìn được toàn vẹn lãnh thổ, chế độ xã hội, sự ổn định để phát triển mạnh mẽ và đưa đất nước ta, dân tộc ta lên vị trí cao, có uy tín trên trường quốc tế.

Trong giai đoạn này dạy học trong nhà trường từ đầu những năm 60 đến trước cải cách giáo dục 1980, về phương pháp dạy học văn học không có gì mới, nhưng lại đạt được kết quả giáo dục cao. Vì tính thời sự và tính hấp dẫn của các tác phẩm văn học chống Mỹ cứu nước đã tác động tích cực vào trong nhà trường, nên thầy trò đều vượt khó. Thầy cố gắng giảng dạy, trò phát huy tính tích cực, chủ động cao độ. Khi ấy học sinh đều nhớ, thuộc, hiểu tác phẩm văn

học, phát triển tư duy, hoàn thiện nhân cách, đều trở thành những con người thông minh và sáng tạo. Khi ra trường học sinh đều sẵn sàng đi vào cuộc sống mới, đầy thử thách, đầy gian khổ hy sinh để lập nên những chiến công vĩ đại, những kỳ tích Việt Nam mà hôm nay mọi người Việt Nam ta đều nhận thấy và rất tự hào.

Từ những năm 80 thế kỷ XX, thực hiện cải cách giáo dục chúng ta lại đưa những tác phẩm văn học thời kháng chiến chống Mỹ cứu nước vào giảng dạy trong chương trình THCS và THPT, bao gồm những tác phẩm thơ và truyện ký. Ở THCS chúng ta đã đưa 11 bài học là thơ và truyện ký được phân bố trong tất cả các lớp học: Lớp 6, lớp 7, lớp 8, lớp 9 CCGD, khi điều chỉnh SGK 1995 chúng ta vẫn giữ được 9 bài: *Ước mơ của ông lão vườn chim* (trích từ truyện ngắn *Giấc mơ của ông lão vườn chim của Anh Đức*), *Mẹ vắng nhà* (trích từ truyện *Người mẹ cầm súng của Nguyễn Thi*), *Chiếc lược ngà* (truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng), *Bức Tranh* (truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu). Thơ gồm: *Nhớ con sông quê hương* (của Tế Hanh), *Quê hương* (của Giang Nam), *Bếp lửa* (của Bằng Việt), *Khúc hát ru những em bé ngủ trên lưng mẹ* (của Nguyễn Khoa Điềm), *Tiểu đội xe không kính* (của Phạm Tiến Duật). Ở trường phổ thông THCS, học những tác phẩm này cũng là vừa đủ, vừa sức để người học sinh hình dung, cảm nhận, cuộc sống chiến đấu và tư tưởng, tình cảm, ý chí của con người Việt Nam trong cuộc chiến đấu ác liệt đầy gian khổ, hy

sinh để giành chiến thắng. Ở trường THPT có 9 bài học tập trung ở phần văn học Việt Nam lớp 12, trong đó 5 bài được giảng dạy chính thức: *Đất nước* (thơ của Nguyễn Khoa Điềm), *Rừng xà nu* (truyện ngắn của Nguyễn Trung Thành), *Những đứa con trong gia đình* (truyện ngắn của Nguyễn Thi), *Mảnh trăng cuối rừng* (truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu). Còn lại 5 bài đọc thêm: *Mũi Cà Mau* (thơ của Xuân Diệu), *Quê mẹ* (thơ của Tố Hữu), *Tờ hoa* (kí của Nguyễn Tuân), *Bức thư Cà Mau* (ký của Anh Đức), *Quán rượu người câm* (truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng). Ở cấp học này cũng là đủ, vừa sức để cảm nhận, lĩnh hội cuộc sống con người và tư tưởng tình cảm, ý chí anh hùng, bất khuất của nhân dân ta trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Tính cả hai cấp học THCS và THPT với số lượng và thời lượng giảng dạy các tác phẩm văn học chống Mỹ cứu nước như trên đã đảm bảo cho sự giáo dục học sinh để hình thành con người yêu nước Việt Nam.

Về vấn đề dạy học trong trường THCS và THPT hiện nay, đa số giáo viên và học sinh cho rằng, những tác phẩm văn học chống Mỹ cứu nước đều hay, dễ dạy và dễ học. Nó có lý do là thời kỳ chống Mỹ cứu nước gần kề với thời đại ngày nay, nên cách tư duy nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật, ngôn ngữ nghệ thuật dễ cảm nhận. Với bút pháp sử thi và cảm hứng lãng mạn càng làm cho người học hấp dẫn, dễ tiếp thu cho nên chất lượng đào tạo là tốt. Kết quả là con người Việt Nam ta đã phát huy được chủ

nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của thời kỳ chống Mỹ vào trong cuộc sống mới. Có người đã nói, học văn học kháng chiến chống Mỹ cứu nước, học một mà được hai: Một là kiến thức và kỹ năng văn học, hai là giáo dục được những phẩm chất anh hùng cao đẹp của con người Việt Nam chiến thắng.

Đó là những ý kiến đáng để chúng ta suy nghĩ và có thái độ đúng đắn về các tác phẩm văn học chống Mỹ cứu nước. Trong dạy học ở trường THCS và THPT. Chúng tôi phát hiện thấy, chúng ta đã có những sai lầm là chương trình ngày càng cắt giảm những tác phẩm chống Mỹ cứu nước. Trong CCGD, trong chỉnh lý SGK chúng ta cắt giảm còn có lý do là cả nước đã chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ xây dựng hoà bình, chúng ta chỉ giữ mức độ, vừa phải để cân xứng với các thời kỳ văn học khác. Nhưng đến nay đang tiến hành thay sách ở THCS, đã thực hiện từ năm học 2002-2003 trên phạm vi cả nước. Các tác phẩm văn học chống Mỹ cứu nước gần như đã được loại khỏi chương trình các lớp 6, 7, 8, THCS, chỉ còn phảng phất "Tiếng gà trưa"⁽²⁾ của Xuân Quỳnh mang cái giọng gáy xa xôi vang từ thời kỳ chống Mỹ. Nếu như những người soạn sách giáo khoa lớp 9 mới không đưa vào nữa, thì văn học chống Mỹ cứu nước coi như là chấm hết. Dù có đưa vào đi chăng nữa thì có nhiều học sinh THCS học xong vòng 1 THCS mà nghỉ học sẽ không biết đến những tác phẩm văn học thời kỳ chống Mỹ cứu nước nữa. Đây cũng là vấn đề cần rút kinh nghiệm cho những

nhà soạn chương trình SGK văn học mới 10, 11, 12 PTTH đang được tiến hành thí điểm và sẽ triển khai thay sách THPT vào các năm học sắp tới, không nên để trống vắng văn học chống Mỹ cứu nước.

Vấn đề dạy học tác phẩm văn học chống Mỹ cứu nước cũng là vấn đề đáng bàn. Theo chúng tôi suy nghĩ các tác phẩm chống Mỹ cứu nước cần phải được bổ sung vào giảng dạy ở các lớp đầu cấp THCS và nên coi trọng nó ở bậc học này. Vì ý nghĩa giáo dục của nó rất lớn học một mà được hai như trên đã nói. Hơn nữa con người Việt Nam, văn nghệ sĩ Việt Nam còn mắc nợ với thời kỳ này là dân tộc ta đã lập được kỳ tích vẻ vang nhưng chúng ta chưa sản sinh ra được những tác phẩm ngang tầm thời đại. Nếu như chúng ta không cho học sinh học các tác phẩm văn học thời kỳ này và khi có đưa vào chương trình mà dạy học không tốt, thì mọi ước vọng của chúng ta về các thế hệ tương lai sẽ không bao giờ thành hiện thực, nếu như không muốn nói là vô vọng.

Trên thực tế giảng dạy văn học chống Mỹ cứu nước, trong nhà trường chúng ta đang gặp những khó khăn gì? chúng ta đang gặp những trở ngại ở cả hai phía người dạy và người học. Người dạy phải là người được đào tạo và tự đào tạo. Lấn đào tạo, trong các trường CĐSP và ĐHSP, còn có hạn chế là chưa được học đầy đủ. Vì chương trình cũng chỉ giới hạn một số ít tiết, trong đó có cả bài khái quát về văn học chống Mỹ cũng chưa có riêng và các tác giả, tác phẩm cũng chưa được nghiên

cứu, giảng dạy đầy đủ. Về tự đào tạo qua tự học, tự rèn luyện, qua đọc tác phẩm, nghiên cứu, soạn giáo án, tập giảng còn chưa được chú ý đúng mức. Đến khi ra trường, đời sống còn khó khăn, lương thấp, ít có thời gian luyện tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nên kết quả giảng dạy thường không cao. Về phía người học là các em học sinh được sinh ra sau chiến tranh không có thực tiễn cuộc sống, nên khó tiếp nhận tác phẩm này so với các học sinh trước đây. Học sinh không được hướng dẫn cách học một cách chu đáo, tính ỷ lại, trông chờ vào người dạy, ngại khó, ngại khổ, không phát huy được tích cực chủ động trong học tập. Nên hiệu quả của giáo dục là yếu kém, có nhiều học sinh không có một phẩm chất đáng quý của con người Việt Nam, không đủ sức để chiến thắng hoàn cảnh nên đã gục ngã sa đà vào tệ nạn ma túy, mại dâm, cờ bạc, rượu chè, biến thành những kẻ lười biếng, hư hỏng mà gia đình, xã hội không còn trông mong gì nữa. Để có thể chiến thắng mọi hoàn cảnh, thì chỉ có văn học cách mạng, văn học kháng chiến, trong đó có văn học kháng chiến chống Mỹ, nó có thể giáo dục con người Việt Nam trở thành con người chân chính, con người chiến thắng.

Trong đổi mới nội dung và phương pháp dạy học hiện nay, ở hai cấp học THCS và THPT, chúng ta nên lựa chọn những tác phẩm văn học chống Mỹ cứu nước có ý nghĩa giáo dục cao để đưa vào giảng dạy, có thể học từ tiểu học đến THPT. Nếu có thể bố trí lại nội dung và thời lượng cho

thích hợp, tránh để trống những tác phẩm văn học chống Mỹ cứu nước như trong chương trình một số lớp đầu cấp THCS hiện nay. Nhà trường phải chú ý đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại, cải thiện và tạo môi trường dạy học tốt, để dạy học ngày càng đạt hiệu quả hơn. Hiện nay, chúng ta đang chuyển hướng dạy học, từ dạy học các môn học riêng rẽ sang dạy học tích hợp. Dạy học tích hợp phải “tích” được kiến thức, kỹ năng văn học nhưng cũng phải “tích” được những phẩm chất cao quý vào trong con người học sinh chúng ta, để họ có thái độ sống tích cực, nhiệt tình, có trách nhiệm, có tính kỷ luật, thông minh và sáng tạo, đáp ứng với yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tóm lại, vấn đề giảng dạy văn học chống Mỹ cứu nước trong trường THCS và THPT hiện nay còn có nhiều mặt bất cập như nội dung chương trình còn chưa được chú ý, còn để trống vắng trong nhiều lớp học. Về phương pháp dạy học còn có nhiều hạn chế ở cả hai phía người dạy và người học, phương tiện và môi trường học tập còn chưa đảm bảo nên hiệu quả giáo dục còn thấp. Chúng ta đang tiến hành cải cách giáo dục mang tính cách mạng là quan tâm đến chiến lược phát triển con người Việt Nam. Nhưng tác phẩm văn học chống Mỹ cứu nước được giảng dạy tốt trong trường THCS và THPT sẽ góp phần to lớn vào việc giáo dục đào tạo thế hệ người Việt Nam yêu nước, có ý chí kiên cường, mưu trí sáng tạo và hăng hái làm nên chiến công mới, xứng đáng với thế hệ ông cha của thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước. □

(1) Văn kiện Đại hội Đảng Toàn quốc lần thứ IV.

(2) Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh, lớp 8 tập II.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các tập sách giáo khoa văn học các lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 trong cải cách giáo dục, trong chỉnh lý 1995 và sách văn học 12 (Sách chỉnh lý hợp nhất 2000) nhà XBGD Hà Nội 2000.

2. Ngữ văn 6, 7, 8 (tập 1, 2)

NXB GD Hà Nội (các năm 2002 - 2003, 2003 - 2004, 2004- 2005)

3. Lịch sử văn học Việt Nam tập III, nhà xuất bản ĐHSP, Hà Nội, 2002.

THẢO LUẬN NHÓM - VẤN ĐỀ CỐT LÕI CỦA PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY LẤY NGƯỜI HỌC LÀM TRUNG TÂM TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG NƯỚC NGOÀI

Th.S NGUYỄN ĐỨC THẮNG - Khoa Ngoại Ngữ

LỜI DẪN

Hiện nay, phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm đã và đang là mục tiêu hướng tới và hoàn thiện trong công tác giảng dạy ở các cấp thuộc hệ thống giáo dục nước ta. Ở các nước có nền giáo dục phát triển như Anh, Hoa Kỳ và Australia... phương pháp này được tổ chức áp dụng rộng rãi từ thập kỷ 70 của thế kỷ trước và tính hiệu quả của nó được thừa nhận trong việc phát huy tính chủ động tích cực và sáng tạo của người học. Tuy nhiên, một số nghiên cứu cũng đã chỉ ra mặt mạnh, mặt yếu của phương pháp này khi đem áp dụng với từng môn học, trình độ bậc học và đối tượng học. Bài viết này chỉ là bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tế giảng dạy tiếng Anh tại trường Đại học Hùng Vương.

I - MỞ ĐẦU:

1-1. Dạy kỹ năng giao tiếp (bài viết này giới hạn ở dạy khẩu ngữ) là quá trình tâm sinh lý phức tạp. Khẩu ngữ chỉ diễn ra trong những điều kiện nhất định và chính những điều kiện này đã ảnh hưởng tới tính chất của khẩu ngữ. Các tình huống này bao gồm: tình huống, hoàn cảnh để ngôn ngữ diễn ra, lứa tuổi, trình độ người nói, đề tài câu chuyện và phản ứng của người nghe khi thụ cảm ngôn ngữ. Do tác động của yếu tố ngoài ngôn ngữ nên khẩu ngữ (kỹ năng

nói) khác với viết (trong kỹ năng viết) về cách dùng từ đệm, thán từ, đệm âm và cách nói tắt.

1-2. Việc dạy tiếng Anh giao tiếp khẩu ngữ có thể thực hiện qua một số chiến lược và thủ thuật dạy ngoại ngữ. Sự tinh tế, sáng tạo của giáo viên thể hiện qua sự vận dụng thông thạo các chiến lược và thủ thuật đó một cách phù hợp trong suốt quá trình giảng dạy. Ellis (1994) chỉ ra rằng phương pháp dạy giao tiếp ở Việt Nam mang đặc điểm của mô hình do Canale và Swam (1980) trong đó trọng tâm được đặt vào tri thức ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ, xoá bỏ những khoảng trống về "thực hành" và "hiểu". Ellis khẳng định: phát âm, ngữ pháp và chính tả có vị trí quan trọng trong dạy ngôn ngữ song vô nghĩa nếu chúng không được áp dụng thành thạo và tự nhiên vào thực tiễn cuộc sống với nhiều chủ đề xã hội khác nhau.

1-3. Việc dạy tiếng Anh ở Trường ĐH Hùng Vương trong những năm qua đã góp phần minh chứng cho lý luận vào thực tiễn của phương pháp. Tuy nhiên, một số vấn đề về tính hiệu quả đã nảy sinh do qui mô sinh viên trong một lớp, phương tiện phục vụ giảng dạy, trình độ ban đầu của người học đều khó đảm bảo cho quá trình học tập trên lớp diễn ra thật sự thuận lợi: sinh viên ít có điều kiện sống trong môi trường

ngôn ngữ chứa đựng những biết cố sự kiện như thật diễn ra (tình huống), và như vậy khả năng tư duy, tưởng tượng, phản ứng và dùng ngôn ngữ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Vậy đâu là giải pháp ?

II - CÁC CHIẾN LƯỢC GIÚP NÂNG CAO NĂNG LỰC GIAO TIẾP CHO SINH VIÊN TRONG LỚP HỌC :

2-1. Nâng cao tính độc lập tự chủ của sinh viên

Một khi xác định phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm được coi là tối ưu trong một lớp học ngoại ngữ thì mặc nhiên công nhận “thảo luận” là một chiến lược sống còn để giúp sinh viên ngày càng độc lập và tự định hướng trong học tập. Haswell (1993) khẳng định tầm quan trọng của “thảo luận” trong việc giúp sinh viên tự đánh giá và nâng cao nhận thức về các mối quan hệ giữa mục tiêu học tập, quá trình và kết quả học tập thông qua việc sinh viên tự bộc lộ mình và qua đánh giá so sánh với sinh viên khác mà không nhất thiết phải qua các bài kiểm tra theo chương trình cứng. Sự tham gia chủ động và tích cực của sinh viên vào “thảo luận” cho phép họ tham gia chủ động và hoà nhập vào các giai đoạn của quá trình học tập, giúp sinh viên nhận thức rõ hơn bản chất của quá trình học tập tạo nền móng cho việc học tập suốt đời.

2.2. Phương pháp tự học qua thảo luận

Có thể thấy rằng các kỹ năng thảo luận cần tuân theo sự định hướng và như vậy giáo viên cần cung cấp cho sinh viên những yếu tố ổn định cần thiết về phương pháp đánh giá và cách thu nhận phản hồi. Qua

đó sinh viên có thể “cảm thấy” sự tiến bộ về ngôn ngữ. Các hoạt động thảo luận rất phù hợp với lớp học có trình độ tương đối cao và có mục tiêu hiểu biết ngôn ngữ. Do vậy, trong phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm, việc phân nhóm sinh viên hợp lý được coi là hiệu quả nhất.

2.3. Thực hiện các hoạt động thảo luận

(Có 03 giai đoạn trong hoạt động thảo luận).

2.3.1. Trước thảo luận

Hình thành các nhóm thảo luận và chủ đề trong giới hạn khả thi cho mục đích thảo luận (nhóm có thể gồm 4, 5, 6 sinh viên). Mỗi nhóm đề ra một danh mục thảo luận về cơ bản giới hạn trong các mối quan hệ: nghề nghiệp, học vấn, môi trường... và con người. Sau đó chọn ra một chủ đề thích hợp nhất, chia chủ đề này thành những lĩnh vực nhỏ hơn để thảo luận trong tầm hiểu biết và thời gian cho phép. Mọi sinh viên tham gia thảo luận đều có trách nhiệm tìm tòi, khám phá các lĩnh vực liên quan đến chủ đề. Theo nghĩa này, toàn bộ chủ đề được khai thác qua tư duy hợp tác của tất cả các nhóm thành viên. Kranshen (1981) chứng minh rằng những sinh viên có tính hướng ngoại thường giao tiếp hiệu quả hơn sinh viên có tính hướng nội nhất là ở giai đoạn đầu của quá trình học ngoại ngữ. Do vậy nhóm thảo luận cần có sinh viên thuộc cả hai nhóm nhân cách khác nhau (nhóm không đồng nhất), giải pháp này giúp sinh viên tự tin và có động lực hơn trong suốt quá trình thảo luận.

Xác định và tổ chức chủ đề thảo luận có tầm quan trọng đặc biệt. Một số sinh viên cảm thấy khó khăn trong tổ chức chủ

đề ngay cả trong tiếng mẹ đẻ. Sức ép phải “cố nghĩ” và “nói” bằng ngoại ngữ gây ra sự thiếu tự tin lúng túng và tất nhiên dẫn đến tiêu cực trong quá trình thảo luận. Thay vì sử dụng tiếng mẹ đẻ giáo viên hướng dẫn cho sinh viên cách tranh luận tập thể và kỹ thuật định hình ý tưởng trong tư duy nhằm hình thành khung cần tìm hiểu cho một chủ đề. Các lĩnh vực chủ đề thường quá rộng cho mức ban đầu. Do vậy cần phải chia nhỏ chủ đề hợp với trình độ và thời gian cho phép để khung thảo luận từ không giới hạn trở nên có giới hạn trong bối cảnh tiếp cận.

2-3-2. Thảo luận:

Thảo luận gồm hai thao tác: thảo luận và đánh giá bình đẳng.

Nếu quá trình thảo luận đòi hỏi sự tham gia đầy đủ của mọi thành viên thì việc đánh giá của giáo viên có thể được thực hiện qua quan sát, bao quát và tổng kết thảo luận. Vai trò của giáo viên là đi “vô tình” tới các nhóm, dự đoán “sự đổ vỡ” có thể do sinh viên yếu kém gây ra, dự đoán ý nghĩa sinh viên định nói... để giúp “quả bóng luôn trong sân” để “các cầu thủ thay nhau chuyên bóng” về “goal”. Giáo viên cũng có thể ngồi cùng nhóm thảo luận để xem xét, quan sát đánh giá sinh viên trong suốt quá trình thảo luận ở nhóm sinh viên được coi là có vấn đề nhất trong lớp để tổng kết sau thảo luận. Các số liệu thông tin thu thập được qua quan sát được ghi lại qua bảng sau:

Hình thức thảo luận	SỐ LẦN/ MỨC ĐỘ THAM GIA THẢO LUẬN			
	Sinh viên A	Sinh viên B	Sinh viên C	Sinh viên D
Trong thảo luận				
Tổng số ý kiến tham gia				
Phản ứng ủng hộ				
Phản ứng không ủng hộ đưa ra vấn đề mới				
Lạc đề				

Một cách khác đơn giản hơn để quan sát và đánh giá là: kẻ một đường ngang giữa tờ giấy, ghi tên sinh viên đóng góp nhiều vào trên đường kẻ, sinh viên đóng góp ít ghi phía dưới. Làm đi làm lại thường xuyên, các số liệu thu thập được sẽ giúp giáo viên biết sinh viên nào tích cực, sinh viên nào ít tích cực và sinh viên nào đổi vị trí. Từ đó điều chỉnh lại các nhóm nếu thấy cần thiết.

2-3-3. Hậu thảo luận:

Hậu thảo luận là thời gian giành cho tổng kết nhằm rút ra điểm yếu của từng nhóm thảo luận. Giáo viên hướng dẫn bổ sung, gợi ý và điều chỉnh cho các buổi thảo luận khác tiếp theo. Giáo viên đưa ra nhận xét cho từng thành viên của nhóm thảo luận qua các số liệu thu thập được. Những sửa chữa về ngữ pháp và phát âm, sự mở

mang tri thức cũng diễn ra vào lúc này. Việc tổng kết thảo luận cũng có thể thực hiện qua kỹ năng viết nhằm tổng kết quan điểm trong chủ đề đồng thời cũng là dịp để phối hợp các kỹ năng trong một mục tiêu thống nhất.

Việc đánh giá tính hiệu quả của thảo luận có thể được đánh giá qua việc tái thực hành của cả nhóm. Cách này tỏ ra đặc biệt có hiệu quả đối với sinh viên hướng nội. Ví dụ:

Sinh viên A: bắt đầu thảo luận bằng cách đưa ra ý kiến/ nhận định

..... B : đáp lại A bằng cách đồng ý / không đồng ý

..... C : đáp lại A và B không đồng ý, không đưa ra ý kiến mới mà trình bày quan điểm không đồng ý/ đồng ý với hoặc A hoặc B

..... D : trình bày ý kiến mới khác

..... E : trả lời sinh viên D không hoặc đồng ý

..... F : yêu cầu sinh viên E giải thích

..... E: trả lời sinh viên F

..... D : trình bày ý kiến liên quan tới A và B

..... B : trả lời sinh viên D đồng ý / không đồng ý

..... A : trả lời sinh viên D đồng ý/ không đồng ý

Việc đánh giá kiểm tra khuyến khích sinh viên giúp các em có cảm giác tiến bộ

sau từng buổi thảo luận. Mục đích cơ bản của kỹ năng thảo luận là sự sáng tạo cách tiến hành thảo luận theo qui tắc trong các giai đoạn khác nhau. Trong thực tế mục đích tối thượng của thảo luận là biết ghép nối các giai đoạn của thảo luận thành một tổng thể không có sự chia cắt rời rạc.

III - KẾT LUẬN

Việc dạy sinh viên thảo luận nhóm trong các giai đoạn khác nhau thực chất là hướng sinh viên vào hoạt động giao tiếp- điểm cốt lõi của phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm trong lớp học tiếng nước ngoài. Môi trường thảo luận giúp sinh viên thoát khỏi môi trường khiến căng trong lớp học. Sinh viên có cảm giác đau đó trong đời thường và sự tự tin tăng từng bước một. Vai trò của giáo viên không phải để hùng biện hay “xếp hàng hoá thuyền” mà để quan sát, theo dõi, đánh giá định hướng và điều chỉnh thảo luận theo mục đích dạy học.

Thảo luận hiệu quả đòi hỏi sinh viên phải có tinh thần trách nhiệm và hợp tác lớn hơn trong tổ chức và thực hiện việc học của chính mình. Một sinh viên yếu kém không thể hiện mình qua thảo luận sẽ làm cho cả nhóm bị thách thức vì đây cũng sẽ trở thành “sự tự ái đáng yêu” để cố gắng hơn trong tương lai.

Giáo viên không được coi đây là sự đổ vỡ thất vọng. Tốt hơn hết là đi tìm nguyên nhân để buổi thảo luận lần sau hiệu quả hơn. Phương pháp thảo luận nhóm nhằm phát huy tính hiệu quả, độc lập theo hướng người học tự định hướng sẽ ngày càng phổ biến trong dạy tiếng nước ngoài. □

NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG GIÚP SINH VIÊN HỆ CAO ĐẲNG MỸ THUẬT KHAI THÁC, SÁNG TẠO MẪU MÃ SẢN PHẨM GỐM MỸ THUẬT

CN. NGUYỄN QUANG HÙNG - Khoa Nhạc - Họa

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Để tổ chức cho sinh viên cao đẳng mỹ thuật sản xuất tạo ra những sản phẩm gốm có giá trị thẩm mỹ, giá trị kinh tế là cả một quá trình nghiên cứu tìm kiếm công phu. Để công việc sản xuất gốm Mỹ thuật được tiến hành thuận lợi và có tính khoa học thì ta cần phải xây dựng những định hướng, kế hoạch chi tiết, rõ ràng cụ thể, khâu đầu tiên và đặc biệt quan trọng đó chính là việc thiết kế, tạo mẫu mã sản phẩm để mỗi sản phẩm khi ra lò nó phải được người tiêu dùng chấp nhận, yêu thích, nó phải phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương, vừa mang tính thẩm mỹ lại có sự độc đáo trong sáng tạo khác hẳn so với các sản phẩm gốm của các lò gốm khác trong khu vực đồng bằng sông Hồng.

Vì vậy, nếu không có sự định hướng, không có sự tìm tòi mẫu mã kiểu dáng mới, thì sẽ dẫn đến hiệu quả là sản phẩm cũ, giống các sản phẩm gốm khác đang trình bày tràn lan trên thị trường, không hấp dẫn thị hiếu người tiêu dùng dễ gây nhàm chán. Chính vì lẽ đó ta cần phải quan tâm, nhìn nhận đúng đắn về khâu “xương sống” này.

Thực tế cho thấy, sinh viên ban mỹ thuật hầu hết là những sinh viên có năng

khiếu, có óc sáng tạo có sự cần cù chịu khó tìm tòi, chịu khó khám phá sẽ tạo ra những điều kiện hết sức thuận lợi cho công việc mang tính thực nghiệm tạo mẫu mã, sản phẩm gốm mỹ thuật.

Song đây là công việc hoàn toàn mới lạ với các sinh viên ban mỹ thuật. Trong chương trình kế hoạch đào tạo học tập của sinh viên Mỹ thuật vấn đề này chỉ được đề cập đến thông qua sách vở, tài liệu chứ chưa có sự thực tế, thực nghiệm nào nên ít nhiều cũng gây ra những khó khăn lúng túng.

Vậy làm thế nào để vấn đề khai thác sáng tạo mẫu mã sản phẩm gốm mỹ thuật mang tính khả thi tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất gốm có hiệu quả cao? Chúng tôi xin mạnh dạn đề ra hướng khai thác tìm tòi mẫu mã sản phẩm gốm mỹ thuật.

2. NỘI DUNG

Đây là công việc hết sức quan trọng nhằm mục đích giúp cho sinh viên định hướng trước được các cách thức phương tiếp cận sáng tạo sản phẩm, mở đường khai thông hướng sáng tác trên chất liệu gốm cụ thể là.

2.1. *Sưu tầm mẫu mã sản phẩm gốm mỹ thuật.*

Sinh viên sưu tầm tìm đọc các tài liệu có liên quan đến gốm cổ, gốm hiện đại Việt Nam. Tìm hiểu học hỏi, quan sát phương thức tạo mẫu của một số lò gốm truyền thống ở Phù Lãng (Bắc Ninh), Bát tràng (Hà Nội), Hương Canh (Vĩnh Phúc).

Tiếp cận các sản phẩm gốm truyền thống, học hỏi ghi chép các hoạ tiết cổ trong đình chùa v.v. để biến nó thành những yếu tố sáng tạo của riêng mình.

Tìm hiểu thông qua mạng internet: Khai thác những yếu tố tạo hình của những nền văn minh khác trên thế giới nhằm chất lọc những tinh túy ấy vào trong các sản phẩm mà mình tạo ra.

Kết hợp với các chuyên ngành khác như: trang trí, bố cục... nhằm tạo các sản phẩm có tính thẩm mỹ cách điệu cao.

2.2. *Những định hướng giúp sinh viên khai thác tạo mẫu sản phẩm gốm mỹ thuật.*

(Đây sẽ là hướng khai thác chính, chủ yếu của sản phẩm gốm mà sinh viên dự kiến sản xuất).

Trên cơ sở đồ gốm thô, mộc nhẵn sinh viên nghiên cứu tìm tòi mẫu mã kiểu dáng mới phù hợp với sở thích, thị hiếu thẩm mỹ của người tiêu dùng hiện nay.

Dưới đây là một số định hướng cơ bản trong việc khai thác tạo mẫu sản phẩm gốm mỹ thuật.

* **Định hướng một:** Sinh viên mỹ thuật hoàn toàn được tự do lựa chọn theo sở thích của mình những phương pháp sáng tạo các kiểu dáng, sản phẩm có kích thước khoảng 50 cm trở xuống với đề tài tự do, phong phú, đa dạng, sản phẩm của từng sinh viên có thể là 1 hay nhiều kiểu cách, độc đáo, truyền thống hay hiện đại, khai thác vẽ hoạ tiết, khắc hoạ tiết, trở thung hay đắp nổi, sản phẩm có thể là các dạng khối, hình khác nhau: Tròn, cầu, vuông, nhọn, biến dạng v.v... đều có thể được chấp nhận nhưng với điều kiện các sản phẩm trên đều phải mang được bản sắc, cá tính, sự độc đáo tìm tòi của riêng mình.

* **Định hướng hai:** Sản phẩm mà sinh viên tạo ra không nhất thiết phải là những dụng cụ gia đình với những đồ vật, vật phẩm thông thường đơn điệu như: ấm, chén, bát, đĩa v.v... mà có thể khai thác dưới dạng các đề tài mở rộng hơn phù hợp với thị hiếu, xu thế xã hội nói chung như: Các đồ trang sức bằng gốm: vòng cổ, vòng tay, hoa tai, cặp tóc v.v... các vật dụng thêu đính lên trang phục mang tính thời trang, tính hiện đại. (Các sản phẩm này đều được thể hiện vẽ bằng tay).

* **Định hướng ba:** Sản phẩm khai thác các vật dụng trang trí cho các văn phòng, phòng làm việc, phòng khách, phòng nghỉ... với kiểu dáng là: gạch trang trí ốp tường, các khối hình cách điệu khối vẽ hoạ văn hoạ tiết cổ v.v... (kích thước gạch khoảng 20 x 20 cm).

Sản phẩm có thể sáng tạo ở dạng khối tượng trang trí cách điệu, có ý tưởng cụ

thể đặt ở các khuôn viên, trong nhà, ngoài vườn phù hợp ăn ý với không gian sống, môi trường kiến trúc xung quanh. (Kích thước khoảng từ 10 - 40 cm)

*** Định hướng bốn:** Khai thác dạng đề tài truyền thống mang đậm nét đặc trưng dân tộc kết hợp với các yếu tố tạo hình hiện đại để sáng tác những tác phẩm thể hiện trên các thể loại đồ lưu niệm như: Tranh gốm, đĩa treo tường, phù điêu, huy hiệu v.v sao cho mỗi sản phẩm là một tác phẩm có giá trị thẩm mỹ. (Kích thước khoảng 20cm, phù điêu hoa văn hoạ tiết trang trí có đề tài cụ thể, chiều dài tùy thuộc theo nội dung thể hiện).

*** Định hướng năm:** Khai thác những hình ảnh đẹp của quê hương đất nước hay những nét đặc trưng của từng vùng miền, từng địa phương với những danh thắng nổi tiếng : Đền Hùng, Vịnh Hạ Long, Chùa Một Cột, Cố đô Huế v.v... đưa vào các sản

phẩm theo dạng vẽ trực tiếp hoặc trở thủng tạo nét riêng biệt có sức lôi cuốn, thiên thú của người thưởng thức. (Sản phẩm này chủ yếu là vẽ trên khay cốc chén ấm v.v...).

3. KẾT LUẬN

Với những dự kiến và định hướng ban đầu cho việc sáng tạo kiểu dáng mẫu mã sản phẩm gốm Mỹ thuật, với sự ủng hộ tạo điều kiện của các phòng, ban khoa tổ trong trường, với nội lực của bản thân bằng uy tín và chất lượng sản phẩm, bằng sự am hiểu nhạy bén thị trường, bằng tính cần cù chịu khó, tích cực sáng tạo hy vọng rằng việc sản xuất gốm mỹ thuật của sinh viên sẽ tạo được chỗ đứng, có thể và lực để phát triển theo tiêu chí “ phát huy tính chủ động sáng tạo của người học tăng cường thực hành kết hợp với đào tạo” sẽ đạt được những kết quả tốt đẹp. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Khánh Chương: “Gốm cổ Việt Nam” NXB Mỹ thuật 1987
2. Triệu Khắc Lê - Chủ biên “ Hình hoạ và điêu khắc tập I, II- NXB GD 2000.
3. Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng: “Mỹ thuật người Việt” - NXB Mỹ thuật 1986
4. Thiện Tâm: “Điêu khắc môi trường” - NXB Xây dựng 2003
5. Phan Cẩm Thượng: “Điêu khắc cổ Việt Nam” - NXB Mỹ thuật 1998.
6. Jacquescharpier - Lê Thanh Lộc dịch : “Nghệ thuật hội hoạ” - NXB Mỹ thuật 1996
7. Đặng Ngọc Trâm: “Cấu trúc hội hoạ” - NXB Mỹ Thuật 2000.

BƯỚC ĐẦU SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC INTERNET TRONG DẠY VÀ HỌC TIN HỌC

Th S. ĐỖ TÙNG - Khoa KHTN

1. Internet là gì ?

Internet ra đời cách đây hơn 30 năm, từ một nhu cầu của Bộ Quốc phòng Mỹ, với tên gọi ban đầu là ARPANET nhằm hỗ trợ cho việc thông tin trong công tác nghiên cứu giữa các cơ quan quân sự Mỹ.

Cũng thời điểm này, các nhà kỹ thuật về mạng Lan bắt đầu phát triển mạnh, hàng loạt các tổ chức, Công ty đồng loạt xây dựng cho mình các mạng riêng dựa trên giao thức TCP/IP. Hệ quả tất yếu là phát sinh ra nhu cầu làm thế nào để mạng này kết nối lại với nhau và cùng kết nối vào mạng ARPANET, trên nguyên tắc mọi người cùng có lợi.

Một trong những mạng mới nói trên đóng vai trò quyết định trong việc hình thành mạng Internet sau này là mạng NSFNET. Ban đầu NSF định dùng mạng trực ARPANET để liên kết 5 trung tâm siêu máy tính nằm ở 5 trường đại học lớn, nhưng ý đồ đã bị thói quan liêu và thủ tục hành chính ngăn trở. Không nản lòng, NSF quyết định xây dựng mạng riêng của mình nhưng vẫn dựa trên kỹ thuật TCP/IP. Họ nối các trung tâm máy tính bằng các kênh truyền thông 56 Kbps. Các trường đại học nối với nhau và tạo thành mạng vùng, các mạng vùng nối vào các trung tâm máy tính. Đến cuối

năm 1987, khi lưu lượng thông tin quá lớn, làm cho các máy tính kiểm soát, điều hành mạng và bản thân điện thoại nối các trung tâm siêu máy tính bị quá tải, một hợp đồng được ký với Công ty Merit Network Inc, Công ty đang cùng IBM và MCI quản lý mạng giáo dục ở Michigan. Mạng cũ đã được nâng cấp bằng các kênh truyền nhanh nhất lúc bấy giờ, cho phép nâng tốc độ lên 20 lần. Các máy tính điều hành và kiểm soát mạng cũng được nâng cấp. Từ đó việc nâng cấp mạng liên tục được tiến hành, đặc biệt trong những năm về sau do số lượng người tham gia vào mạng ngày càng tăng nhanh, thuật ngữ Internet xuất hiện và thay thế dần tên gọi NSFNET ban đầu.

Các thông tin trao đổi trên Internet hiện nay chủ yếu thông tin qua các trang web.

2. Thiết bị cần thiết để sử dụng dịch vụ Internet:

Để sử dụng Internet và các dịch vụ của nó có thể sử dụng:

a) Hình thức kết nối kiểu quay số:

Cần phải có

- **Máy vi tính** (Cấu hình tối thiểu: CPU 486, RAM 16 MB, HD: 540 MB, hệ điều hành Windows 95).

- **Modem:** Thiết bị dùng để biến đổi tín hiệu Digital sang Analog và ngược lại, đồng thời truyền dữ liệu hai chiều giữa máy vi tính của người sử dụng với máy chủ Internet. Thiết bị này nối máy vi tính với đường dây điện thoại. Có 02 dạng Modem: Modem lắp bên trong máy vi tính và Modem lắp bên ngoài máy vi tính qua cổng COM hoặc USB.

- **Đường dây thuê bao điện thoại.**

b) **Một số hình thức kết nối khác:** Ngoài hình thức kết nối Internet như trên, có thể sử dụng hình thức đăng ký đường truyền riêng hoặc sử dụng Internet bằng thông rộng ADSL, không cần phải sử dụng MODEM cho từng máy, các máy tính được kết nối thành một mạng dùng chung. (Từ 4/2005, tại phòng thực hành Tin học (Khoa KHTN) và một số Phòng, Ban, Khoa đã được kết nối, sử dụng và khai thác Internet theo phương thức này).

3. Ứng dụng Internet trong dạy và học của bộ môn Tin học.

Hiện nay, tại phòng thực hành Tin học của nhà trường được cấp 01 đường điện thoại để truy cập Internet theo hình thức quay số do Bộ môn Tin học quản lý. Mặc dù tốc độ truy xuất thông tin theo hình thức kết nối này tương đối chậm nhưng giáo viên trong bộ môn Tin học và các sinh viên lớp CĐ Tin học đã cố gắng khai thác, sử dụng những lợi ích do Internet đem lại phục vụ cho hoạt động giảng dạy của giáo viên cũng như hoạt động học tập của sinh viên. Sau đây chúng tôi xin trao đổi cách sử

dụng, khai thác Internet mà Bộ môn Tin học đã thực hiện.

a) **Internet cung cấp nguồn tài liệu**

Khi đào tạo hệ Cao đẳng Tin học, một khó khăn rất lớn là hầu hết các môn học đều không có giáo trình. Một số môn học chỉ có tài liệu tham khảo. Các sách Tin học có bán nhiều trên thị trường nhưng rất đắt và không sát chương trình đào tạo. Hơn nữa, do điều kiện ở xa các trường Đại học lớn nên việc có được các tài liệu tham khảo phù hợp rất khó khăn. Chính vì vậy, sử dụng Internet chúng tôi đã có được một số tài liệu tham khảo tốt. Một số trang web cung cấp tài liệu về Tin học dưới định dạng HTML, pdf,... rất tốt như: www.ctu.edu.vn (Đại học Cần Thơ), www.ebooks.com.vn, www.edu.net.vn (Bộ Giáo dục và Đào tạo), <http://www.portalvn.com> (cung cấp sách điện tử miễn phí về CNTT), www.infomit.com (thư viện sách tin học trực tuyến khổng lồ)...

Những tài liệu này được cập nhật thường xuyên, dễ khai thác và hầu như miễn phí. Người sử dụng có thể chép các tài liệu này về máy tính của mình để sử dụng. Đây là nguồn tư liệu tham khảo tốt cho cả giáo viên và sinh viên.

b) **Internet tăng cường khả năng tự học của sinh viên.**

Trong quá trình giảng dạy một số nội dung thuộc các môn học của lớp 3A CĐ Tin học như:

- Lịch sử các hệ điều hành, cấu trúc hệ điều hành, bảng FAT 12, FAT 16, FAT 32, FAT NTFS (Học phần Hệ điều hành).

- Thiết kế, đi dây, cài đặt mạng máy tính (Học phần Mạng máy tính);

- Thiết kế, trình bày Web (học phần Thiết kế trang web);

- Học phần Lập trình Quản lý,...

Chúng tôi đã hướng dẫn sinh viên theo các bước:

- Giáo viên đặt các câu hỏi gợi ý để sinh viên tìm câu trả lời để từ đó xây dựng nội dung chính của bài học (yêu cầu thực hiện theo nhóm).

- Giới thiệu, hướng dẫn sinh viên tìm thông tin trên mạng. Chúng tôi dành một khoảng thời gian nhất định cho sinh viên được sử dụng Internet trong trường để họ chuẩn bị nội dung bài học (1 đường kết nối Internet của phòng thực hành có thể chia sẻ cho khoảng 20 máy tính cùng truy xuất thông tin trên mạng cùng một lúc).

- Sinh viên tập hợp các thông tin tìm được thành báo cáo. Giáo viên dành thời gian thích hợp để sinh viên được trao đổi các thông tin đã chuẩn bị ở nhà (làm theo nhóm) sau đó giáo viên tóm tắt và kết luận. Các nhóm có thể trao đổi phần chuẩn bị của mình cho nhau để có được một nội dung tương đối hoàn chỉnh về một vấn đề nào đó.

Với cách làm này, sinh viên phải thu thập, tìm kiếm thông tin rồi trình bày nội dung đó theo định hướng của giáo viên. Sinh viên được chủ động trong việc tiếp thu kiến thức.

c) *Internet tăng cường khả năng trao đổi thông tin*

Với việc sử dụng Internet, nhiều vấn đề gặp phải trong quá trình dạy và học có thể dễ dàng trao đổi với những người khác cùng quan tâm thông qua các diễn đàn. Sinh viên có thể dễ dàng gửi thư điện tử cho bạn bè của họ học ở các trường khác nhằm trao đổi thông tin mà họ cùng quan tâm. Giáo viên cũng có thể trao đổi mọi vấn đề với đồng nghiệp, các chuyên gia và đặc biệt là với các thầy giáo của các trường Đại học một cách dễ dàng, nhanh chóng thông qua thư điện tử.

d) *Thông qua Internet, rèn luyện khả năng đọc, nghe và sử dụng tiếng Anh.*

Hầu hết các trang thông tin trên mạng Internet đều có sử dụng tiếng Anh nên việc tiếp xúc, sử dụng Internet sẽ góp phần bổ sung vốn từ vựng, luyện nghe, học ngữ pháp tiếng Anh một cách rất hiệu quả. Giáo viên có thể giao cho sinh viên đọc nội dung các trang web bằng tiếng Anh sau đó lược dịch nội dung chủ yếu rồi trình bày, trao đổi lại vấn đề đó. Sinh viên lớp 3A Tin đã được làm quen với hình thức làm việc này ở học phần Hệ điều hành (kỳ 5).

Trên đây chúng tôi trình bày khái quát về Internet; cách sử dụng và khai thác thông tin trên mạng mà bộ môn Tin học đã thực hiện. Chúng tôi rất mong nhận được sự trao đổi, góp ý của các thầy cô giáo để có thể sử dụng và khai thác thông tin trên Internet một cách hiệu quả hơn.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN THANH NHẠC CHO SINH VIÊN HỆ CAO ĐẲNG ÂM NHẠC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

CN. BÙI THỊ MAI LAN - Khoa Nhạc - Hoạ

1- ĐẶT VẤN ĐỀ

Đã nhiều năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra chủ trương đổi mới phương pháp dạy học (PPDH); trong thực tế, trường ta cũng đã đổi mới PPDH theo hướng phát huy được tính tích cực học tập của sinh viên. Khoa Nhạc - Học cũng như Bộ môn Âm nhạc, đã triển khai và vận dụng đổi mới PPDH ở tất cả các học phần. Đặc biệt với học phần Thanh nhạc, chúng tôi cũng đã từng bước có sự đổi mới PPDH để phù hợp với đối tượng và phát huy được sự chủ động, tìm tòi và sáng tạo của mỗi sinh viên.

Từ lâu, PPDH âm nhạc dường như chứa đựng nhiều điều “*Bí ẩn*” (?); Thanh nhạc là một môn nghệ thuật có liên quan nhiều đến sinh lý học, song trong một thời gian dài, người ta vẫn chưa chứng minh được một cách rõ ràng: những hoạt động của cơ quan nào tạo ra giọng hát? Vì vậy, PPDH thanh nhạc chủ yếu là thông qua tai nghe và cảm giác về âm thanh của người dạy và người học.

Thời gian qua, trường ta đã đào tạo rất nhiều sinh viên tốt nghiệp ra trường, có năng lực ca hát và năng lực sư phạm. Các em tốt nghiệp ra trường, đã trở thành những hạt nhân văn nghệ của trường phổ thông, của địa phương... và đã đạt được nhiều giải cao trong các cuộc thi ca nhạc.

song chúng ta cũng không thể phủ nhận rằng: còn có một số sinh viên sau khi ra trường, vẫn yếu về khả năng âm nhạc nói chung, khả năng ca hát nói riêng. Tại sao có tình trạng này? Tình trạng này cần phải được khắc phục như thế nào? Bài viết này, mong muốn trao đổi, bàn luận bước đầu về những vấn đề đã nêu trên.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN.

Lý luận âm nhạc khẳng định rằng : Ca hát là một bộ môn nghệ thuật phối hợp âm nhạc và ngôn ngữ; Cơ quan tạo nên giọng hát của con người khác xa với những nhạc khí bình thường, có thể gọi nó là “Nhạc khí sống”. Với sức mạnh biểu hiện lớn lao, khả năng phổ cập rộng rãi đã làm cho nghệ thuật ca hát trở thành một phương tiện truyền cảm giáo dục tư tưởng đạo đức và thẩm mỹ vô cùng quan trọng.

Tuy phong phú, dễ hiểu và phổ cập như vậy, nhưng nghệ thuật ca hát lại là một trong những loại hình nghệ thuật khó nhất. Thật vậy: nghệ thuật ca hát được tạo ra bởi một “Nhạc khí sống” cơ thể con người, mọi diễn biến tâm lý của người ca sĩ đều ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nghệ thuật. Hơn nữa, cái khó ở nghệ thuật ca hát còn ở chỗ: Ngoài những quy luật chung về âm thanh, về kỹ thuật âm nhạc, về thẩm mỹ... nó còn bao gồm cả những quy luật về ngôn

ngữ nữa. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa ca hát là một môn nghệ thuật mà sự luyện tập quá ư trừu tượng, mang nhiều tính chất chủ quan, cũng không có nghĩa là những thành công của nghệ thuật ca hát chỉ là một sự ngẫu nhiên, may rủi.

3- THỰC TRẠNG.

Do đặc trưng trường ta là đào tạo nguồn nhân lực (giáo viên sư phạm âm nhạc) cho tỉnh, nên một số năm, tuyển sinh đầu vào trường ta thường lấy theo chỉ tiêu của từng huyện. Cách tuyển sinh này có nhiều điểm tích cực, song còn một số hạn chế, chẳng hạn: Vì lấy theo huyện nên có em còn yếu về năng khiếu âm nhạc vẫn trúng tuyển, lúc vào học rất khó khăn, vất vả... Gần đây, tuyển sinh của nhà trường có thay đổi, cho nên việc thực hiện đổi mới PPDH của chúng tôi có nhiều thuận lợi và còn một số khó khăn. Chẳng hạn: khi đào tạo sinh viên Ban âm nhạc - Mỹ thuật, chúng tôi nhận thấy: những sinh viên này có năng khiếu thanh nhạc yếu và khối lượng thời gian dành cho học phần thanh nhạc cũng không nhiều. Cho nên khó khăn đặt ra cho chúng tôi là: làm thế nào để trang bị cho các em vốn kiến thức nhất định khi mà thời gian học chỉ có 45 tiết (3 học trình) và dạy 2 sinh viên/1 tiết. Trong khi đó, khối Cao đẳng sư phạm âm nhạc là 90 tiết (6 học trình) và khi dạy chỉ có 1 sinh viên/1 tiết.

Một năm trở lại đây, trường ta đã tuyển sinh hệ Cao đẳng nghệ thuật âm nhạc, với sự hứa hẹn sẽ có nhiều sinh viên có giọng hát hay, có triển vọng và đáp ứng được phong trào ca hát đang ngày càng

phát triển rộng rãi trong nhân dân. Chúng tôi trang bị cho các em lượng kiến thức không nhỏ để các em có kỹ thuật không chỉ hát những bài hát Việt nam mà còn có thể hát được một số ca khúc nghệ thuật và một số bài hát nước ngoài. Các em không những nắm được lý thuyết và về kỹ thuật thanh nhạc (đây là vấn đề quan trọng) mà còn hát trôi chảy, có khả năng diễn đạt cảm xúc, có bản lĩnh sân khấu vững vàng và nghiệp vụ sư phạm tốt.

4- NGUYÊN NHÂN.

Âm nhạc là một ban đào tạo mới, nhưng lại rất cần cho tỉnh nhà cũng như các tỉnh lân cận. Sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường, hầu hết đã xin được việc làm theo đúng nghề đào tạo của mình. Có một số em nổi bật trong công tác phong trào ca hát quần chúng, cũng như trong giảng dạy ở các trường phổ thông. Song cũng không thể không kể đến những mặt mà chúng ta vẫn chưa làm được. Đó là :

- Do đặc thù của bộ môn và đối tượng tuyển sinh đầu vào có trình độ, năng lực, năng khiếu khác nhau, nhưng khi giảng dạy giáo viên vẫn chưa có sự phân luồng về đối tượng học tập.
- Chưa có sự khác nhau trong phương pháp giảng dạy cũng như trong kiểm tra, đánh giá trình độ học tập của sinh viên.
- Yêu cầu về nội dung bài học cũng chưa có sự khác nhau.
- Giáo viên chưa chịu khó thu thập tài liệu và cập nhật thông tin mới.
- Ý thức học tập của sinh viên chưa thực sự chủ động, sáng tạo vẫn còn có thái

độ ỷ nại, trông chờ vào giáo viên. Có một số sinh viên, khi tốt nghiệp vẫn chưa thuộc hết bài ...

Với những nguyên nhân đã nêu ra thì PPDH các môn âm nhạc nói chung, thanh nhạc nói riêng đặt ra cho chúng tôi yêu cầu là phải tìm ra một số biện pháp nhằm có thể khắc phục tình trạng trên.

5- MỘT SỐ BIỆN PHÁP CƠ BẢN.

5.1. Để nâng cao chất lượng giảng dạy, chúng tôi mong muốn có được sự quan tâm hơn nữa của Lãnh đạo trường và khoa Nhạc - Hoạ để cho việc thực hiện đổi mới PPDH được tiến hành thường xuyên, đồng đều. Trong đó, điểm trọng tâm, rất quan trọng là sinh hoạt chuyên môn hàng tuần: phải trao đổi, thảo luận, dự giờ, hội thảo rút kinh nghiệm việc dạy - học. Giáo viên trực tiếp giảng dạy phải nêu được bài giảng của mình đã thực hiện đổi mới chưa? và đổi mới cái gì? Có như vậy, trình độ giáo viên mới được nâng cao và bản thân giáo viên sẽ có sự tìm tòi, sáng tạo trong từng bài giảng của mình.

5.2. Việc hướng dẫn cho sinh viên luyện tập cũng là một vấn đề quan trọng. Những câu hỏi phát vấn hợp lý kích thích sự sáng tạo của sinh viên. Bài tập đưa ra vừa sức, không yêu cầu quá cao giúp cho sinh viên có hứng thú khi luyện tập.

5.3. Do đặc trưng của khoa là có nhiều ban đào tạo, chất lượng khác nhau nên khi giảng dạy chúng ta cũng phải có sự phân luồng sinh viên theo từng ban và cách thức kiểm tra đánh giá cũng phải khác nhau.

5.4. Theo chúng tôi, muốn đào tạo thành công một giọng hát, trước hết phải xác định

loại giọng, việc theo dõi, kiểm tra, tìm hiểu đặc điểm giọng hát phải được tiếp nhận với một tinh thần trách nhiệm cao. Sự tận tình của thầy thanh nhạc, giàu kiến thức và kinh nghiệm kết hợp với sự kiểm tra chặt chẽ, chu đáo về tai, mũi họng của các Bác sỹ (khi khám sức khoẻ nhập học), là những điều kiện không thể thiếu được. Khi xác định được giọng hát, có thể áp dụng phương pháp học tập thanh nhạc có kết quả như ý muốn.

Sau khi thi xong toàn bộ chương trình cuối khoá học nhà trường nên tổ chức biểu diễn báo cáo kết quả học tập đồng thời để cho sinh viên học tập biểu diễn trước công chúng khán giả giúp các em rèn luyện bản lĩnh sân khấu. Đây là một dịp tốt để sinh viên được thể hiện mình và được động viên tinh thần trước khi đi nhận công tác.

Một điểm quan trọng nữa không thể thiếu đó là việc trang bị các phương tiện dạy học cho giáo viên và sinh viên đó là:

- Có phòng cách âm cho sinh viên thi tốt nghiệp.

- Trang bị thêm Pianô cho giáo viên giảng dạy.

- Trang bị sách, tài liệu liên quan đến thanh nhạc cho sinh viên.

Các phương tiện nghe nhìn như : Đầu video các đĩa hát nhạc Việt nam, nước ngoài hay một số đĩa về nhạc kịch Opera để sinh viên làm quen với nhạc kịch trên thế giới...

6- KẾT LUẬN :

Với sự phát triển rộng rãi của nền âm nhạc nói chung và của nghệ thuật ca hát nói riêng cần thiết phải có những biện pháp

để duy trì và nâng cao chất lượng. Một trong những biện pháp tốt để giải quyết yêu cầu trên là sự nỗ lực của cả thầy và trò trong quá trình học tập và giảng dạy. Giáo viên phải luôn có sự tìm tòi đổi mới trong phương pháp dạy học giúp cho sinh viên có hiểu biết về nghệ thuật ca hát mới và nắm bắt trang bị cho mình những kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc.

Việc đổi mới phương pháp dạy học là 1 quá trình lâu dài đòi hỏi phải tốn nhiều thời gian và công sức. Với kinh nghiệm biểu diễn và giảng dạy trong một thời gian chưa dài, trình độ bản thân còn có hạn. Chắc chắn sẽ không tránh khỏi những sơ xuất. Rất mong được sự đóng góp ý kiến của bạn đọc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO :

- Trung Kiên - "Phương pháp học hát" - NXB văn hoá Hà nội 1992.
- Mai Khanh - "Sách học thanh nhạc" - Vụ đào tạo - Bộ văn hóa thông tin Hà Nội 1982.



Tin hoạt động khoa học

HỘI THẢO KHOA HỌC "ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC Ở ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG" CỦA KHOA KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Ngày 12/5/2005, Khoa Khoa học Tự nhiên đã tổ chức hội thảo khoa học "Đổi mới phương pháp dạy học ở Đại học & Cao đẳng". Tham gia Hội thảo có các đồng chí Lãnh đạo trường, Phòng Đào tạo, đại diện lãnh đạo các Khoa, Phòng và Bộ môn Mác Lênin, TLGD cùng toàn thể cán bộ, giáo viên của khoa Khoa học Tự nhiên.

Sau báo cáo đề dẫn của Lãnh đạo khoa - là 10 báo cáo chuyên đề, đề cập đến những vấn đề quan trọng là: Vì sao phải đổi mới PPDH? Cái gì cần đổi mới, cái gì tốt, truyền thống cần phải giữ gìn phát triển? Cơ chế, chính sách cụ thể để thực hiện yêu cầu đổi mới PPDH? Đổi mới từ việc soạn giáo án

đến khi lên lớp giảng bài và lúc tự học của sinh viên?...

Các báo cáo chuyên đề của cán bộ giáo viên đã được biên tập và đóng quyển Kỷ yếu hội thảo. Đây là tập tài liệu tham khảo tốt giúp cho cán bộ giáo viên thực hiện đổi mới PPDH góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

Phát biểu với hội thảo Phó Hiệu trưởng Nguyễn Văn Hào đã biểu dương những cố gắng và những thành tích trong phong trào đổi mới PPDH của cán bộ giáo viên Khoa Khoa học Tự nhiên, đồng chí đề nghị khoa tiếp tục phát huy liên tục, thường xuyên và nâng cao chất lượng dạy - học, góp phần phát triển công tác đào tạo của trường.

THI OLYMPIC TOÁN HỌC SINH VIÊN TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII

NGUYỄN HUNG

(Trưởng đoàn Olympic Toán sinh viên Trường Đại học Hùng Vương)

Kỳ thi Olympic Toán sinh viên toàn quốc lần thứ XIII được tổ chức tại trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế từ ngày 23-4 đến ngày 26-4-2005. Tham gia kỳ thi có 66 đoàn, từ 66 trường Đại học, Cao đẳng trong cả nước (trong đó có 20 trường Cao đẳng) với 545 sinh viên giỏi của 2 môn Đại số và Giải tích.

Ngày 24-4-2005, sáng thi môn Đại số, chiều thi môn Giải tích, thời gian thi 180 phút cho mỗi môn. Đề thi mỗi môn gồm 5 câu, điểm tối đa cho một câu là 4 điểm, gồm các kiến thức thuộc chương trình Đại số và Giải tích năm đầu của các trường Đại học, Cao đẳng. Cùng với yêu cầu về kiến thức vững chắc, kỹ năng biến đổi tính toán thành thạo đề thi còn yêu cầu thí sinh có sự thông minh sáng tạo, cùng các phương pháp tư duy sâu sắc.

Việc chấm thi và tổng kết được thực hiện trong hai ngày 25 và 26-4-2005. Ban giám khảo là những chuyên gia giỏi trong lĩnh vực Đại số và Giải tích.

Ban tổ chức Olympic Toán sinh viên toàn quốc năm 2005 chỉ xét giải thưởng cá nhân mà không xếp loại giải đồng đội. Kết

quả: Ban tổ chức đã trao giải Nhất cho 24 SV (12 Đại số, 12 Giải tích), giải Nhì cho 50 SV (26 Đại số, 24 Giải tích), giải Ba cho 144 SV và giải Khuyến khích cho 136 SV.

Đoàn của trường Đại học Hùng Vương gồm hai CBGD tham gia chỉ đạo đoàn và tham gia Hội đồng giám khảo, cùng tám sinh viên của hai đội Đại số và Giải tích.

Đây là lần tham gia đầu tiên của trường Đại học Hùng Vương, tuy nhiên với tinh thần trách nhiệm cao và sự nỗ lực vượt bậc trong công tác chuẩn bị (xây dựng kế hoạch, chọn đội tuyển, bồi dưỡng đội tuyển...) của thầy và trò của Khoa Khoa học tự nhiên, cùng với sự quan tâm chỉ đạo và động viên của Lãnh đạo nhà trường, đoàn đã đạt được những kết quả bước đầu đáng ghi nhận: đạt 2 giải Ba và 3 giải Khuyến khích.

Điều quan trọng hơn cả là: từ đó sẽ thúc đẩy phong trào dạy học toán, tạo dựng không khí học thuật, phát triển phong trào học, nghiên cứu trong sinh viên của khoa và của nhà trường, đóng góp tích cực vào việc nâng cao vị thế và chất lượng đào tạo của trường Đại học Hùng Vương.

GIỚI THIỆU MỘT SỐ GIÁO TRÌNH ĐIỆN TỬ TRƯỜNG ĐH CẦN THƠ

1. Cơ lượng tử - Nguyễn Xuân Tú
2. Công nghệ hóa học - Nguyễn Quang Trí
3. Cơ sở ngôn ngữ học - Nguyễn Hữu Chính
4. Cơ sở văn hóa - Lê Đình Bích
5. Cơ sở ngôn ngữ học - Huỳnh Công Tín
6. Cơ sở dữ liệu - Trần Quốc Bảo
7. Cấu trúc dữ liệu - Trần Quốc Bảo
8. Điện động lực học - Dương Quang Minh
9. Điện hóa - Trần Thị Huệ
10. Động hóa học - Trần Sơn
11. Englishlit - Hồ Phương Thùy,...
12. Giáo dục dân số - Nguyễn Thị Bông
13. Giáo trình Matlab - Vương Tấn Sĩ
14. Hán Nôm 1 - Lê Thị Ngọc Bích
15. Hình học Aphin - Đặng Văn Thuận
16. Hình học Euclide - Đặng Văn Thuận
17. Hình học giải tích B - Ng Thị Thảo Trúc
18. Hình học họa hình - Ngô Thăng Long
19. Hình học sơ cấp 1,2 - Ngô Thăng Long
20. Hình học vi phân 1 - Đặng Văn Thuận
21. Hình học vi phân 2 - Đặng Văn Thuận
22. Hình học xạ ảnh - Đặng Văn Thuận
23. Hóa hữu cơ 2 - Nguyễn Văn Hùng
24. Lí luận văn học 1 - Nguyễn Hoa Bằng
25. Lí luận văn học 2 - Tào Văn Ân
26. Lí luận dạy văn học - Ng Thị Hồng Nam
27. Lịch sử thế giới Trung đại - T. Kim Phụng
28. Lịch sử thế giới Cận đại - C. Cẩm Hương
29. Lịch sử văn học Phương Tây 2 thế kỷ XIX và thế kỷ XX - Lê Ngọc Thúy
30. Lược sử sinh học - Huỳnh Thị Thúy Diễm
31. Lưỡng thể bò sát học - Trần Ngọc Phương
32. Mỹ học đại cương - Tào Văn Ân
33. Mỹ học đại cương - Nguyễn Hoa Bằng
34. Nghe nói - Trần Thị Mỹ Lệ
35. Nghe nói tiếng Pháp - Huỳnh Thanh Nhã
36. Ngữ âm tiếng Việt - Bùi Thị Tâm
37. Ngữ pháp văn bản - Nguyễn Hữu Chính
38. Nhiệt học - Nguyễn Thị Bưởi

39. Phân loại thực vật - Đặng Minh Quân

40. Phương pháp dạy học sinh học 11 - 12 - Đào Đại Thắng

41. Phương pháp nghiên cứu khoa học - Lê Phước Lộc

42. Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp - Ngô Thị Kim Thảo

43. Phân tích chương trình sinh học THPT - Phạm Thị Mai Khuê

44. Phong cách học tiếng Việt - Nguyễn Văn Nở, Huỳnh Thị Lan Phương

45. Quy hoạch tuyến tính - Hồ Hữu Lộc

46. Reading 3 - Chung Thị Thanh Hằng

47. Good writing can be learnt - Nguyễn Thị Phương Hồng

48. Sinh lý động vật - Trương Thị Thủy

49. Sinh thái học - Phan Thị Mai Khuê

50. Tiếng Việt thực hành - Chim Ván Be

51. Tin học chuyên ngành

52. Theory of translation - Huỳnh Trung Tín, Nguyễn Ngọc Tuyền

53. Thế giới Cổ Trung 2 - Lê Phú Thi

54. Thống kê hóa học và ứng dụng tin học trong hóa học - Huỳnh Kim Liên

55. Tôpô đại cương - Trần Thị Thanh Thủy

56. Từ vựng tiếng Việt - Nguyễn Thị Thu Thủy

57. Văn học dân gian Việt Nam 1 - Trần Văn Nam

58. Văn học dân gian 2 - Lê Thị Diệu Hà

59. Văn học Nga - Trần Văn Trinh

60. Văn học phương Tây 1 - Nguyễn Thị Ngọc Dung

61. Văn học sử một số nước châu Á - Hồ Ngọc Mân

62. Văn học Trung đại 1 - Nguyễn Kim Châu

63. Văn học Trung đại Việt Nam 2 - Nguyễn Thị Thanh Lâm

64. Văn học Việt Nam hiện đại 1 - Huỳnh Thị Phương Lan

65. Văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945 - Hoàng Thị Nghĩa

66. Văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954 - Trần Văn Minh

67. Văn học yêu nước Việt Nam nửa cuối TK XIX - Phan Thị Mỹ Hằng

68. Dân số học đại cương

69. Lí luận dạy học ở phổ thông

70. Lịch sử toán học - Nguyễn Phú Lộc

71. Văn học Việt Nam hiện đại 4

Những giáo trình này (và một số giáo trình của các ngành Nông nghiệp, kinh tế,... các thầy, cô quan tâm có thể tham khảo miễn phí tại địa chỉ trang Web Đại học Cần Thơ:

<http://www.ctu.edu.vn/coursewares>